

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2021/DS-PT

Ngày: 08-01-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Ngọc Bích
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2020/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 296/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 293/QĐPT - DS ngày 18/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: Số 28C-28D, Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Tiến D** – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Thanh H**

Địa chỉ làm việc: Số 3D-3E, Hưng Đạo Vương, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2020)

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 130/11/82F, đường Nguyễn Huệ, Phường 2, Tp Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Nguyễn Thị Thùy Châu – Văn Phòng luật sư Thanh Châu – Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ: số 130/11/82F đường Nguyễn Huệ, phường 2, Thành phố Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2020 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/7/2016 Ngân hàng TMCP N (gọi tắt là Ngân hàng N) có kí hợp đồng tín dụng với chị Nguyễn Thị Thu H1 để cho chị H1 vay số tiền 2.000.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, phương thức trả lãi hàng tháng, lãi suất trong hạn kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 01/01/2017 là 10,2%/năm, lãi suất kì tiếp theo được điều chỉnh định kì 03 tháng/lần theo công thức bằng mức lãi suất cơ sở cộng 4%/năm. Để đảm bảo cho hợp đồng vay các bên cũng đồng thời kí kết hợp đồng thế chấp cùng ngày đối với ô tô đầu kéo Hyundai Xcient Trago cùng sơ mi romooc tải (có mui). Sau khi vay Ngân hàng N đã thu được tổng số tiền 1.887.534.147đ trong đó gốc 1.503.062.000đ và lãi là 384.472.147đ, trong số tiền gốc đã thu thì có 702.902.000đ gốc thu hồi thông qua xử lý bán đấu giá tài sản bảo đảm theo quy định.

Tính đến ngày 04/02/2020 chị H1 còn nợ nguyên đơn tiền gốc 496.938.000đ, tiền lãi 141.878.844đ, tiền phạt gốc quá hạn 19.247.964đ, phạt chậm trả lãi 22.229.061đ. Do chị H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng nên Ngân hàng N yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay giữa các bên, yêu cầu chị H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ, tổng cộng là 680.294.061đ, lãi sẽ được tính tiếp từ ngày 05/02/2020 theo mức lãi suất hợp đồng vay đã kí, yêu cầu chị H1 phải chịu các khoản chi phí phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Theo biên bản hòa giải ngày 11/5/2020 và ngày 20/5/2020, bị đơn chị Thu H1 trình bày: chị thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về việc có kí kết hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp cùng ngày 01/7/2016 để vay vốn với số tiền

2.000.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng chi có vi phạm hợp đồng, phía Ngân hàng N đã thu giữ tài sản thế chấp và bán đấu giá để thu hồi nợ, tuy nhiên chi cho rằng việc thu giữ tài sản thế chấp của Ngân hàng N là không đúng trình tự, trường hợp xác định đúng quy định thì chi đồng ý trả nợ gốc, còn lãi thì không đồng ý vì thời điểm khấu trừ nợ Ngân hàng N đã không thông báo cho chi biết việc còn nợ.

Tại phiên Tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chi H1 có nghĩa vụ trả nợ gốc 496.938.000đ lãi trong hạn 1.908.042đ, lãi quá hạn 174.491.791đ, lãi phạt chậm trả gốc quá hạn 26.146.567đ, lãi phạt chậm trả lãi 40.037.745đ, tổng cộng 739.522.145đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2020/DSST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng Điều Điều 471, 474 BLDS 2005; Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

Buộc chi Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP N số tiền vay còn nợ gốc 496.938.000đ, lãi trong hạn 1.908.042đ, lãi quá hạn 174.491.791đ, tổng cộng 673.337.833đ (*sáu trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi ba đồng*)

Lãi suất được tính tiếp từ ngày 11/9/2020 theo mức lãi suất các bên đã thuận theo hợp đồng tín dụng ngày 01/7/2016 đến khi thanh toán xong nợ gốc (không tính phần lãi phạt).

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi phạt 66.184.312đ (*sáu mươi sáu triệu một trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm mười hai đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 28/9/2020 chị Nguyễn Thị Thu H1 có đơn kháng cáo với nội dung như sau: không đồng ý như bản án sơ thẩm đã tuyên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm giao về Tòa án thành phố Vĩnh Long xét xử lại.

Tại phiên Tòa phúc thẩm: chị Nguyễn Thị Thu H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu:

Bị đơn có hợp đồng vay tiền của Ngân hàng N có thế chấp tài sản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nên nguyên đơn đã xử lý tài sản thế chấp. Tuy nhiên chị H1 cho rằng việc thu giữ tài sản không đúng qui định nên ảnh hưởng đến quyền lợi của chị. Thu hồi tài sản của chị bán với giá thấp. Khi tiến hành thu giữ tài sản thì Ngân hàng không có thông báo thời gian, địa điểm và có chính quyền địa phương hay không và anh Linh là tài xế chứ không phải là người giữ tài sản. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này. 25/9/2018 mới hết thời hạn 90 ngày mới chuyển sang nợ xấu. Quy trình bán đấu giá có đúng hay không thì cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm do không đưa anh Linh và Công ty bán đấu giá tài sản vào tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Yêu cầu kháng cáo của chị H1 là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, Ngày 01/7/2016 chị Nguyễn Thị Thu H1 có ký hợp đồng số 133/16/HĐCV/116-11 và phụ lục hợp đồng số 001/16/PLHĐCV/116-11 ngày 04/7/2016 với Ngân hàng vay số tiền 2.000.000.000 đồng và chị H1 còn ký hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 133/2016/HĐTC/116-11 ngày 01/7/2016 là đúng quy định về hoạt động cho vay theo Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Trong quá trình vay ngân hàng đã thu hồi nợ được 1.887.534.147 đồng. Trong đó: gốc: 1.503.062.000 đồng và lãi 384.472.147 đồng. Ngân hàng yêu cầu chị H1 trả nợ nhưng chị H1 vẫn không thiện chí trả nợ cho ngân hàng. Chị Nguyễn Thị Thu H1 thừa nhận có vi phạm hợp đồng vay tiền Ngân hàng TMCP N nhưng không đồng ý trả nợ vay, Ngân hàng lấy tài sản bán đấu giá không cho chị hay là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, thông báo lần 1 của ngân hàng ngày 28/7/2018 chị H1 đã nhận thông báo trong thông báo có ghi dư nợ hiện tại 1.233.180.000 đồng và biên bản hòa giải ngày 20/5/2020 (bút

lục 94) chị H1 thừa nhận có nhận thông báo bán đấu giá tài sản lần nhất giá khởi điểm hơn 1 tỷ, lần thứ 3 là hơn 700.000.000 đồng, lần 2 chị không có nhận thông báo. Như vậy, mặt nhiên chị H1 biết được tài sản chị đưa ra bán đấu giá, khi bán đấu giá tài sản chị H1 cũng không khiếu nại, khi án sơ thẩm giải quyết chị H1 không có yêu cầu gì đối với anh Linh hay khiếu nại anh Linh tự ý giao xe cho Ngân hàng, nhưng chị H1 đổ lỗi cho ngân hàng không thông báo cho chị biết và yêu cầu hủy án sơ thẩm là không có cơ sở xem xét. Nên không chấp nhận kháng cáo chị H1. Án sơ thẩm xử buộc chị H1 trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền gốc và lãi tổng cộng 673.337.833đ là phù hợp quy định pháp luật.

Từ phân tích trên, quan điểm của Viện kiểm sát:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H1

+ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Chị H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 14/9/2020 Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh long tuyên án sơ thẩm. Ngày 28/9/2020 chị Nguyễn Thị Thu H1 nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Thu H1 vay Ngân hàng TMCP N với số tiền 2.000.000.000đ thông qua hợp đồng tín dụng được ký kết vào ngày 01/7/2016, thời hạn vay 60 tháng, phương thức trả lãi hàng tháng, lãi suất trong hạn kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 01/01/2017 là 10,2%/năm, lãi suất kì tiếp theo được điều chỉnh định kì 03 tháng/lần theo công thức bằng mức lãi suất cơ sở cộng 4%/năm. Để đảm bảo cho hợp đồng vay đồng thời các bên cũng kí kết hợp đồng thế chấp cùng ngày. Tài sản thế chấp là ô tô đầu kéo Hyundai Xcient Trago cùng sơ mi romooc tải (có mui). Sau khi vay Ngân hàng N đã thu được tổng số tiền 1.887.534.147đ trong đó gốc 1.503.062.000đ và lãi là 384.472.147đ, trong số tiền gốc đã thu thì có 702.902.000đ gốc thu hồi thông qua xử lý bán đấu giá tài sản bảo đảm theo quy định. Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H1 trả nợ gốc 496.938.000đ và lãi trong hạn 1.908.042đ, lãi quá hạn 174.491.791đ, lãi phạt

chậm trả gốc quá hạn 26.146.567đ, lãi phạt chậm trả lãi 40.037.745đ. Tổng cộng 739.522.145đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thu H1 kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm tuyên xử buộc chị trả Ngân hàng TMCP N tổng số tiền vốn và lãi là 673.337.833đ và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của chị H1 là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, sau khi vay chị H1 thừa nhận nợ Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết và nhiều lần Ngân hàng thông báo về khoản nợ yêu cầu chị H1 trả nhưng chị H1 không thiện chí trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận ký kết. Mặt khác, chị H1 nại ra rằng Ngân hàng không thông báo về việc bán đấu giá tài sản, không thông báo chị còn nợ bao nhiêu sau khi bán đấu giá tài sản xong là không có căn cứ. Vì theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Ngân hàng cũng đã nhiều lần thông báo cụ thể: lần 1 ngày 28/7/2018 chị H1 đã nhận thông báo, tại biên bản hòa giải ngày 20/5/2020 chị H1 cũng thừa nhận có nhận thông báo bán đấu giá lần 3. Qua đó, mặc nhiên chị H1 biết được mình còn nợ Ngân hàng bao nhiêu. Chị kháng cáo cho rằng Ngân hàng ngang nhiên lấy đi tài sản của chị làm chị không có điều kiện làm ra tiền để thực hiện nghĩa vụ thanh toán với ngân hàng là không có căn cứ. Vì khi Ngân hàng thu giữ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cũng đã thông báo cho chị, lập biên bản và có quyết định thu giữ tài sản thế chấp. Chị là người vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả đúng số tiền còn nợ vay. Việc chị cho rằng Ngân hàng và Trung tâm bán đấu giá vi phạm về trình tự thủ tục trong đấu giá tài sản thì chị cũng không thực hiện quyền khiếu nại tại thời điểm bán tài sản đấu giá để thu hồi nợ. Vì vậy, chị kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với những lý do trên là không có căn cứ chấp nhận.

Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ nhận định trên: Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H1.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2020/DSST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều Điều 471, 474 BLDS 2005; Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP N số tiền vay còn nợ gốc 496.938.000đ, lãi trong hạn 1.908.042đ, lãi quá hạn 174.491.791đ, tổng cộng 673.337.833đ (*sáu trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi ba đồng*). Lãi suất được tính tiếp từ ngày 11/9/2020 theo mức lãi suất các bên đã thuận theo hợp đồng tín dụng ngày 01/7/2016 đến khi thanh toán xong nợ gốc (không tính phần lãi phạt).

2. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi phạt 66.184.312đ (*sáu mươi sáu triệu một trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm mười hai đồng*).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: buộc chị Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 0005725 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Vĩnh long.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- VKSND TPVL: 01;
- Chi Cục THADS TPVL: 01;
- Đương sự: 3;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Văn Lạc